

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Domenal là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ và vốn thực góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 125.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DMN và theo Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021 thì ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, các loại hóa chất.);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Võ Đình Ân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Ông Võ Đình Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Ngọc Yến	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Bà Trần Thuý Vân	Thành viên

Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN THANH HÀ
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 03 năm 2024



Số: 178/2023/BCKTHN-HCM.00247

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Domenal và công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại mục 5.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Tập đoàn chưa trích lập dự phòng các khoản Phải thu ngắn hạn khách hàng, dẫn đến khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đang được phản ánh theo giá gốc thay vì phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Các tài liệu tại Tập đoàn cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thu hồi được thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) sẽ giảm đi 30.422.630.685 VND, khoản mục "Thuế và các khoản nộp ngân sách" (Mã số 313) giảm 5.067.493.574 VND và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) sẽ giảm đi tương ứng 25.352.838.474 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng là 30.422.630.685 VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" sẽ giảm đi 5.067.493.574 VND và "Lợi nhuận sau thuế" sẽ giảm tương ứng là 25.352.838.474 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Domenal tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN THỊ THANH MINH
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024

A blue handwritten signature of Lê Ngọc Hải.

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367.532.969.509	329.098.309.211
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.687.845.853	4.183.692.881
Tiền	111		2.687.845.853	4.183.692.881
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		329.768.159.582	287.487.612.054
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	249.933.567.031	171.127.569.490
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	78.324.005.551	113.527.837.170
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.510.587.000	2.832.205.394
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.5	18.591.312.721	31.282.995.499
Hàng tồn kho	141		18.591.312.721	31.282.995.499
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.485.651.353	6.144.008.777
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	452.105.697	87.634.644
Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.033.029.206	6.056.374.133
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	516.450	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		254.743.923.102	117.833.554.096
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		111.750.533.730	53.239.427.661
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	101.216.698.565	42.705.592.496
Nguyên giá	222		164.656.024.313	102.453.283.821
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.439.325.748)	(59.747.691.325)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	10.533.835.165	10.533.835.165
Nguyên giá	228		10.563.835.165	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		107.460.710.701	34.331.947.730
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	107.460.710.701	34.331.947.730
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		28.779.806.806	29.439.644.369
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	28.779.806.806	29.439.644.369
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.752.871.865	822.534.336
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	6.752.871.865	822.534.336
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		622.276.892.611	446.931.863.307

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		470.883.723.511	302.707.117.019
Nợ ngắn hạn	310		298.590.555.263	246.785.564.571
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	27.077.004.202	26.995.216.642
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	59.152.244.134	30.006.623.906
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.069.792.211	3.902.471.302
Phải trả người lao động	314		1.093.294.651	928.914.127
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.298.351.820	397.483.591
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	24.900.973.693	4.558.006.503
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	179.998.894.552	179.996.848.500
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		172.293.168.248	55.921.552.448
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		6.500.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	165.793.168.248	55.921.552.448
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-


CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL


Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

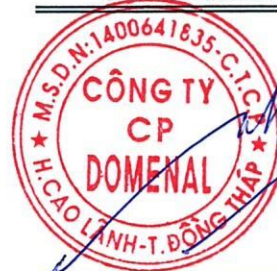
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.17	151.393.169.100	144.224.746.288
Vốn chủ sở hữu	410		151.393.169.100	144.224.746.288
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.974.148.571	2.844.843.798
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.419.020.529	16.379.902.490
LNST chưa phân phối năm trước	421a		13.250.597.717	618.538.036
LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.168.422.812	15.761.364.454
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		622.276.892.611	446.931.863.307


 NGUYỄN THỊ KIỀU
 Người lập


 NGUYỄN THỊ KIỀU
 Kế toán trưởng




 NGUYỄN THANH HÀ
 Tổng Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 18 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

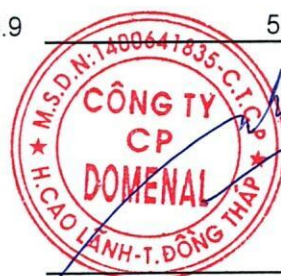
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	718.844.770.881	638.522.996.570
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		718.844.770.881	638.522.996.570
Giá vốn hàng bán	11	6.2	685.652.516.092	614.569.494.786
Lợi nhuận gộp	20		33.192.254.789	23.953.501.784
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.350.841.499	1.930.009.328
Chi phí tài chính	22	6.4	17.779.564.192	10.741.044.613
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		17.757.212.667	10.305.816.023
Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(659.837.563)	5.894.654.388
Chi phí bán hàng	25	6.5	623.628.840	47.215.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.759.335.553	2.522.918.569
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		12.720.730.140	18.466.987.318
Thu nhập khác	31	6.7	156.056.410	6.168.464
Chi phí khác	32	6.8	640.870.164	98.297.560
Lợi nhuận khác	40		(484.813.754)	(92.129.096)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.235.916.386	18.374.858.222
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.067.493.574	2.613.493.768
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.168.422.812	15.761.364.454
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.168.422.812	15.761.364.454
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	573	1.261


NGUYỄN THỊ KIỀU
 Người lập


NGUYỄN THỊ KIỀU
 Kế toán trưởng




NGUYỄN THANH HÀ
 Tổng Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 18 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.235.916.386	18.374.858.222
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5.086.170.529	3.872.694.548
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	04		4.827.301	151.562
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(49.146.540)	(5.840.997)
Chi phí lãi vay	06		17.757.212.667	10.740.893.051
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		35.034.980.343	32.982.756.386
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(52.257.719.051)	(11.352.303.642)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		12.691.682.778	(3.328.582.339)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		57.596.061.165	(5.325.932.342)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(6.294.808.582)	(489.435.854)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.669.012.759)	(10.822.223.999)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.900.981.966)	(1.216.557.019)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.200.201.928	447.721.191
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(130.592.782.150)	(52.187.683.730)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		46.296.296	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.850.244	5.840.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(130.543.635.610)	(52.181.842.733)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	710.550.455.800	630.512.842.135
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(600.676.793.948)	(574.569.009.294)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.500.000)	(760.365.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		109.857.161.852	55.183.467.841
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(1.486.271.830)	3.449.346.299
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	5.1	4.183.692.881	734.498.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.575.198)	(151.562)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		2.687.845.853	4.183.692.881

Kul

NGUYỄN THỊ KIỀU
Người lập

Kul

NGUYỄN THỊ KIỀU
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH HÀ
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Domenal (Công ty mẹ) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ và vốn thực góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 125.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DMN và theo Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và công ty con là Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2023, hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh và chế biến các loại thủy hải sản	100%	100%	100%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Lô 6A, đường Trục Chính, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	39,2%	39,2%	39,2%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 85 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 66 người).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Công ty mẹ trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty mẹ không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty mẹ chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Phần vốn góp của Công ty mẹ vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Trường hợp Công ty mẹ giao dịch với các đơn vị liên doanh của Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện, tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào đơn vị liên doanh được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị văn phòng	04
Tài sản cố định khác	04

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Quyết toán thuế của các Công ty trong T6a5p đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi. Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

Các Công ty/ đối tượng sau đây được xem là các bên liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	7.326.981	2.214.448
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	2.628.958.470	4.177.000.568
- USD (*)	51.560.402	4.477.865
	<u>2.687.845.853</u>	<u>4.183.692.881</u>

(*) Khoản tiền gửi ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.145,37 USD tương đương 51.560.402 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Hợp tác xã Nuôi trồng thủy sản Thốt Nốt	41.097.749.754	53.721.320.500
Hộ kinh doanh – mua bán cá tra thương phẩm – Đức	47.952.680.000	-
Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	26.231.968.000	-
Các khách hàng khác	134.651.169.277	117.406.248.990
	249.933.567.031	171.127.569.490

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán nhưng chưa được trích lập dự phòng với số tiền ước tính là 30.422.630.685 VND.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các tổ chức khác		
Công ty TNHH KAWAII NL	44.483.907.601	64.127.597.467
Trần Văn Kiệt	24.916.318.000	4.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	8.923.779.950	45.400.239.703
	78.324.005.551	113.527.837.170

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ ngắn hạn	1.379.000.000	-	-	-
Tạm ứng án phí	131.587.000	-	77.338.500	-
Tạm ứng nhân viên	-	-	1.500.000	-
Phải thu khác	-	-	2.753.366.894	-
	1.510.587.000	-	2.832.205.394	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường		-	6.289.290.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	16.381.063.722	-	19.439.030.888	-
Công cụ, dụng cụ	1.235.161.124	-	757.561.253	-
Thành phẩm	975.087.875	-	4.797.113.358	-
	18.591.312.721	-	31.282.995.499	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa	-	12.240.000
Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản	25.754.664	39.127.000
Công cụ dụng cụ	144.115.963	-
Chi phí khác	282.235.070	36.267.644
	<u>452.105.697</u>	<u>87.634.644</u>

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa, xây dựng	198.835.110	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.283.799.628	330.909.237
Chi phí khác	1.270.237.127	491.625.099
	<u>6.752.871.865</u>	<u>822.534.336</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.7 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	58.319.083.985	38.736.674.940	3.841.081.696	956.443.200	600.000.000	102.453.283.821	
Tăng trong năm	-	31.037.690.833	-	-	85.464.000	31.123.154.833	
Xây dựng cơ bản hoàn thành	32.474.121.765	-	-	-	-	32.474.121.765	
Giảm trong năm	-	(1.394.536.106)	-	-	-	(1.394.536.106)	
Tại ngày 31/12/2023	90.793.205.750	68.379.829.667	3.841.081.696	956.443.200	685.464.000	164.656.024.313	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2023	37.443.859.445	16.923.085.785	3.824.302.895	956.443.200	600.000.000	59.747.691.325	
Khấu hao trong năm	3.398.126.916	1.657.997.529	16.778.487	-	13.267.597	5.086.170.529	
Giảm trong năm	(1.394.536.106)	(1.394.536.106)	-	-	-	(1.394.536.106)	
Tại ngày 31/12/2023	40.841.986.361	17.186.547.208	3.841.081.382	956.443.200	613.267.597	63.439.325.748	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2023	20.875.224.540	21.813.589.155	16.778.801	-	-	42.705.592.496	
Tại ngày 31/12/2023	49.951.219.389	51.193.282.459	314	-	72.196.403	101.216.698.565	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2023	-	29.898.569.940	3.575.481.696	956.443.200	600.000.000	17.344.758.836
Tại ngày 31/12/2023	-	59.614.284.364	3.841.081.696	956.443.200	600.000.000	17.610.358.836

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc được thế chấp tại ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/8149071/HĐĐĐ và Hợp đồng số 02/2022/8149071/HĐĐĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 với giá trị còn lại là 19.446.778.764 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 20.875.224.540 VND). Và máy móc, thiết bị được thế chấp tại ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/16923195/HĐĐĐ ngày 25/11/2022 với giá trị còn lại là 79.334.336.825 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.8 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Tại ngày 31/12/2023	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2023	-	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	10.533.835.165	-	10.533.835.165
Tại ngày 31/12/2023	10.533.835.165	-	10.533.835.165

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2023	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2023	-	30.000.000	30.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/8149071/HĐBĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 và Hợp đồng số 02/2022/8149071/HĐBĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 với giá trị còn lại là 10.533.835.165 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10.533.835.165 VND).

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2023 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ VND	Kết chuyển khác	31/12/2023 VND
Tủ điện	1.312.923.158	348.957.740	-	-	1.661.880.898
Hệ thống PCCC	-	335.711.470	-	-	335.711.470
Hệ thống chữa cá	-	349.550.000	-	-	349.550.000
Hệ thống kệ hàng	-	5.907.600.000	-	-	5.907.600.000
Máy ép dừa	-	14.476.409.405	-	-	14.476.409.405
Máy xay khô	-	15.116.928.153	-	-	15.116.928.153
Hệ thống kho lạnh	23.015.993.219	9.458.128.546	(32.474.121.765)	-	-
Máy nghiền	-	5.540.558.510	-	-	5.540.558.510
Máy sà	-	1.730.832.375	-	-	1.730.832.375
Hệ thống tủ điều khiển	-	1.550.405.828	-	-	1.550.405.828
Nhà, xưởng	9.501.822.812	7.447.630.753	-	-	16.949.453.565
Cầu cảng	406.118.522	346.196.120	-	-	752.314.642
Hệ thống bể xử lý nước thải	-	7.747.662.692	-	-	7.747.662.692
Đường nội bộ	-	7.367.067.266	-	-	7.367.067.266
Bể cấp nước	15.992.549	3.273.992.457	-	-	3.289.985.006
Căn tin	-	2.393.661.830	-	-	2.393.661.830
Hệ thống đường truyền, dẫn điện	6.407.000	3.171.625.335	-	-	3.178.032.335
Trạm biến áp	-	2.052.593.794	-	-	2.052.593.794
Hệ thống PCCC	72.690.470	-	-	(72.690.470)	-
Công trình khác	-	17.060.062.932	-	-	17.060.062.932
	34.331.947.730	105.675.575.206	(32.474.121.765)	(72.690.470)	107.460.710.701

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát (*)	28.779.806.806	29.439.644.369
	<u>28.779.806.806</u>	<u>29.439.644.369</u>

(*) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát với giá gốc khoản đầu tư là 29.400.000.000 VND chiếm 39,20% vốn điều lệ. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 29.400.000.000 VND chiếm 39,20% vốn điều lệ). Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Tình hình biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tại ngày đầu năm	29.439.644.369	29.400.000.000
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(659.837.563)	39.644.369
Tại ngày cuối năm	<u>28.779.806.806</u>	<u>29.439.644.369</u>

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ông Nguyễn Văn Mừng	9.564.081.000	9.564.081.000	-	-
Công Ty TNHH XNK Minh Trang SG	5.049.398.449	5.049.398.449	9.306.164.069	9.306.164.069
Các nhà cung cấp khác	12.463.524.753	12.463.524.753	17.689.052.573	17.689.052.573
	<u>27.077.004.202</u>	<u>27.077.004.202</u>	<u>26.995.216.642</u>	<u>26.995.216.642</u>

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Hồ Thị Kim Thoa	45.685.981.899	-
Nguyễn Hồ Trung Tín	10.095.299.000	11.890.868.000
Các khách hàng khác	3.370.963.235	18.115.755.906
	<u>59.152.244.134</u>	<u>30.006.623.906</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.13 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà Nước

	01/01/2023	Số phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	-	246.506.036	(246.552.986)	-	(46.950)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.901.035.578	5.067.493.574	(3.900.981.966)	5.067.547.186	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.154.764	71.233.129	(70.220.028)	2.167.865	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	16.435.850	(16.905.350)	-	(469.500)
Thuế tài nguyên	280.960	2.743.600	(2.947.400)	77.160	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
	3.902.471.302	5.410.412.189	(4.243.607.730)	5.069.792.211	(516.450)

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	417.550.862	268.102.111
Tiền điện	880.800.958	61.981.345
Chi phí bốc xếp	-	67.400.135
	1.298.351.820	397.483.591

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Phải trả cổ tức cho cổ đông	205.875.000	222.375.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	300.000.000	-
Kinh phí công đoàn	274.713.302	196.334.102
Phải trả tiền mượn	24.120.385.391	4.139.297.401
	24.900.973.693	4.558.006.503

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.16.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (*)	179.998.894.552	179.998.894.552	179.996.848.500	179.996.848.500
	179.998.894.552	179.998.894.552	179.996.848.500	179.996.848.500

(*) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Chiểu theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/8149071/HĐTD ngày 08/11/2023, chi tiết như sau:

Mục đích : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Hạn mức : 180.000.000.000 VND
Thời hạn : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức nhưng tối đa không vượt quá ngày 15/11/2024.
Lãi suất : Từ 6,50% - 9,00%/năm (theo quy định của BIDV từng thời kỳ nhận nợ)
Hình thức đảm bảo : Tỷ lệ tài sản đảm bảo sau quy đổi tối thiểu là 70% tại mọi thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các tài sản đảm bảo đang thế chấp tại BIDV - CN Bà Chiểu – xem thêm thuyết minh 5.8 và 5.9.
Dư nợ ngày 31/12/2023 : 179.998.894.552 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2023	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	179.996.848.500	600.678.840.000	(600.676.793.948)	179.998.894.552
	179.996.848.500	600.678.840.000	(600.676.793.948)	179.998.894.552

5.16.2 Vay dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay ngân hàng				
– Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (a)				
	145.793.168.248	145.793.168.248	55.921.552.448	55.921.552.448
Vay cá nhân				
– Bà Hồ Thị Kim Thoa (b)				
	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	165.793.168.248	165.793.168.248	55.921.552.448	55.921.552.448

Chi tiết hợp đồng vay như sau:

a. Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bà chiểu

1. Hợp đồng vay	: 01/2022/16923195/HĐTD ngày 14/10/2022 và phụ lục số 01/2022/16923195/HĐTD-PL01 ngày 02/02/2023.
Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Số tiền	: 128.000.000.000 VND
Thời hạn	: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn khoản vay gốc là 24 tháng. Ngày trả gốc vay đầu tiên là ngày 25/07/2026.
Lãi suất	: Từ 9,35% - 10,25%/năm (theo quy định của BIDV từng thời kỳ nhận nợ)
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy hải sản Hiệp Thành Phát. Theo hợp đồng thế chấp số 01/2022/16923195/HĐBĐ ngày 25/11/2022
Dư nợ ngày 31/12/2023	: 123.158.758.898 VND

Hợp đồng vay	: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/8149071/HĐTD ngày 11/07/2023
Mục đích	: Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh
Số tiền	: 23.483.000.000 VND
Thời hạn	: 120 tháng
Lãi suất	: 8%/năm
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có, tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 100% tại mọi thời điểm.
Dư nợ ngày 31/12/2023	: 22.634.416.350 VND

b. Vay dài hạn cá nhân:

Hợp đồng vay	: 01/GTKH/DMN_HTKT ngày 30/05/2023
Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Số tiền	: 20.000.000.000 VND
Thời hạn	: 36 tháng
Lãi suất	: 8%/năm
Tài sản đảm bảo	: Không có.
Dư nợ ngày 31/12/2023	: 20.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.16.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.17 Vốn chủ sở hữu "CSH"

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	125.000.000.000	799.603.018	9.806.330.645	135.605.933.663
Lãi trong năm	-	-	8.618.812.625	8.618.812.625
Trích lập quỹ	-	2.045.240.780	(2.045.240.780)	-
Tại ngày 31/12/2022	125.000.000.000	2.844.843.798	16.379.902.490	144.224.746.288
Tại ngày 01/01/2023	125.000.000.000	2.844.843.798	16.379.902.490	144.224.746.288
Lãi trong năm	-	-	7.168.422.812	7.168.422.812
Trích lập quỹ	-	3.129.304.773	(3.129.304.773)	-
Tại ngày 31/12/2023	125.000.000.000	5.974.148.571	20.419.020.529	151.393.169.100

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 125.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Võ Đình Ân	89.967.200.000	71,97%	89.967.200.000	71,97%
Các cổ đông khác	35.032.800.000	28,03%	35.032.800.000	28,03%
	125.000.000.000	100,00%	125.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận:

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 09 tháng 05 năm 2023 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	:	VND 3.129.304.773
-------------------------------	---	----------------------

18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	2.145,37	191,28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	163.643.907.640	76.121.941.900
Doanh thu bán thành phẩm	555.200.863.241	562.401.054.670
Doanh thu thuần	718.844.770.881	638.522.996.570

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa	157.741.324.580	66.764.552.650
Giá vốn bán thành phẩm	527.911.191.512	547.804.942.136
Giá vốn hàng bán	685.652.516.092	614.569.494.786

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi bán hàng trả chậm	2.338.116.443	1.924.168.331
Lãi tiền gửi	2.850.244	5.840.997
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.267.306	-
Doanh thu hoạt động tài chính	2.346.233.993	1.930.009.328

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	17.757.212.667	10.740.893.051
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.916.718	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối kỳ	4.827.301	151.562
Chi phí tài chính	17.774.956.686	10.741.044.613

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	73.955.400	47.215.000
Chi phí vận chuyển	420.082.800	-
Phí dịch vụ chứng từ	113.256.990	-
Chi phí bán hàng khác	16.333.650	-
Chi phí bán hàng	623.628.840	47.215.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.572.419.721	1.069.068.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	258.813.445	245.545.848
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.928.102.387	1.208.304.629
	3.759.335.553	2.522.918.569

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	46.296.296	-
Thu nhập khác	109.760.114	6.168.464
	156.056.410	6.168.464

6.8 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Phạt vi phạm về thuế	549.450.857	10.035.000
Lãi phạt chậm nộp thuế	8.916.448	2.520.491
Chi phí khác	82.502.859	85.742.069
	640.870.164	98.297.560

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.168.422.812	15.761.364.454
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ		-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.168.422.812	15.761.364.454
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	573	1.261

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí hàng hoá	157.683.139.740	53.614.980.400
Chi phí nguyên vật liệu	520.586.146.552	539.217.794.790
Chi phí nhân công	8.323.365.077	7.130.208.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.086.170.529	3.872.694.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.663.655.534	1.167.936.886
Chi phí bằng tiền khác	22.414.546.457	16.873.948.614
	715.757.023.889	621.877.563.373

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

17. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	710.550.455.800	630.512.842.135
	<u>710.550.455.800</u>	<u>630.512.842.135</u>

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	600.676.793.948	574.569.009.294
	<u>600.676.793.948</u>	<u>574.569.009.294</u>

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Các khoản vay và nợ	179.998.894.552	165.793.168.248	345.792.062.800
Phải trả người bán	27.077.004.202	-	27.077.004.202
Chi phí phải trả	1.298.351.820	-	1.298.351.820
Các khoản phải trả khác	24.626.260.391	6.500.000.000	31.126.260.391
	233.000.510.965	172.293.168.248	405.293.679.213
Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Các khoản vay và nợ	179.996.848.500	55.921.552.448	235.918.400.948
Phải trả người bán	26.995.216.642	-	26.995.216.642
Chi phí phải trả	397.483.591	-	397.483.591
Các khoản phải trả khác	4.361.672.401	-	4.361.672.401
	211.751.221.134	55.921.552.448	267.672.773.582

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố bất động sản của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7 và 5.8).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2023 và 31/12/2022.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – tổ chức và cá nhân khác	249.933.567.031	171.127.569.490	249.933.567.031	171.127.569.490
Phải thu khác	1.510.587.000	2.830.705.394	1.510.587.000	2.830.705.394
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.687.845.853	4.183.692.881	2.687.845.853	4.183.692.881
	254.131.999.884	178.141.967.765	254.131.999.884	178.141.967.765
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	345.792.062.800	235.918.400.948	345.792.062.800	235.918.400.948
Phải trả người bán	27.077.004.202	26.995.216.642	27.077.004.202	26.995.216.642
Chi phí phải trả	1.298.351.820	397.483.591	1.298.351.820	397.483.591
Các khoản phải trả khác	31.126.260.391	4.361.672.401	31.126.260.391	4.361.672.401
	405.293.679.213	267.672.773.582	405.293.679.213	267.672.773.582

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

19. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính Tập đoàn không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác			
Nguyễn Thanh Hà	Tổng giám đốc	204.480.000	203.640.000
Võ Đình Hải	Thành viên HĐQT	90.480.000	89.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn không có giao dịch với các bên liên quan.

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan:

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn không có số dư với các bên liên quan.

9.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Thông tin so sánh

Một vài số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại theo biên bản kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Cục thuế Tỉnh Đồng Tháp ngày 11 tháng 10 năm 2023, các khoản trình bày lại số đầu năm như sau:

	Mã số	31/12/2022 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	01/01/2023 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.614.929.492	1.287.541.810	3.902.471.302	(*)
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	421a	1.893.136.692	(1.287.541.810)	618.538.036	(*)


(*) Điều chỉnh tăng tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021 theo biên bản kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 11 tháng 10 năm 2023 và Quyết định số 994/QĐ-XPHC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


NGUYỄN THỊ KIỀU
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ KIỀU
Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH HÀ
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 18 tháng 03 năm 2024